TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THỦY NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản số: 49/2018/HNGĐ-ST
Ngày 24 - 4 - 2018
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, TP. HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhã

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Công Hạ

Ông Phạm Văn Sóng

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Hữu Hảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 787/2017/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 11 năm 2017 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Lệ A, sinh năm 1981; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, thành phố H; vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đặng Văn T, sinh năm 1978; địa chỉ: Thôn B, xã L, huyện T, thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 07/11/2017 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là chị Trần Lệ A trình bày:

1. Về hôn nhân:

Chị A và anh Đặng Văn T kết hôn với nhau vào năm 2002 trên cơ sở tìm hiểu tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 25/02/2002 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H. Sau cưới vợ chồng đăng ký hộ khẩu thường trú và sinh sống tại Thôn B, xã L cho đến nay. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận và có hai con chung, đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, căng thẳng trầm trọng từ đầu năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, không thống nhất trong việc làm kinh tế nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi mắng, xúc phạm nhau. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và địa phương tham gia hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài và trầm trọng, hôn nhân không có hạnh phúc nên chị đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh T.

2. Về con chung:

Chị A trình bày chị và anh T có hai con chung tên là Đặng Phương T sinh ngày 06/6/2003 và Đặng Tiến T sinh ngày 03/6/2006. Chị trực tiếp nuôi hai con từ khi vợ chồng sống ly thân cho đến nay, khi ly hôn chị đề nghị được tiếp tục nuôi hai con. Về cấp dưỡng nuôi con chung để chị và anh T tự thỏa thuận giao nhận với nhau nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung:

Chị A trình bày chị và anh T có tài sản chung là nhà và đất tại Thôn B, xã L, khi ly hôn để chị và anh T tự thỏa thuận giải quyết với nhau nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau.

Anh Đặng Văn T là bị đơn trong vụ án, cho đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai vẫn không có ý kiến về việc giải quyết vụ án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng pháp luật tố tụng, nguyên đơn chấp hành pháp luật, bị đơn không chấp hành pháp luật. Về việc giải quyết vụ án đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Về hôn nhân: Chị Trần Lệ A được ly hôn anh Đặng Văn T; về con chung: Giao cho chị Trần Lệ A

trực tiếp nuôi hai con tên là Đặng Phương T sinh ngày 06/6/2003 và Đặng Tiến T sinh ngày 03/6/2006 cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật; sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; về tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết; nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn là chị Trần Lệ A vắng mặt tại phiên tòa có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai, bị đơn là anh Đặng Văn T vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

[2]. Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị A và anh T đã được xác lập là hợp pháp (Giấy chứng nhận kết hôn số 10 đăng ký ngày 25/02/2002 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, thành phố H). Căn cứ vào lời khai của đương sự, tài liệu điều tra xác minh tại địa phương thể hiện quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn từ năm 2012, căng thẳng trầm trọng từ đầu năm 2017. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung, không thống nhất trong việc làm kinh tế dẫn đến vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình và địa phương tham gia hòa giải song không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau. Anh T vẫn sinh sống tại gia đình và địa phương, biết việc chị A xin ly hôn song không trình bày quan điểm của mình. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng có tồn tại làm cho hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khả năng đoàn tụ không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Chị A yêu cầu ly hôn, căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị A được ly hôn anh T.

[3]. Về con chung: Chị A và anh T có hai con chung tên là Đặng Phương T sinh ngày 06/6/2003 và Đặng Tiến T sinh ngày 03/6/2006. Việc giao con chung cho ai nuôi cần phải căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con và xem xét nguyện vọng của con chưa thành niên. Xét thấy, chị A trực tiếp nuôi hai con từ khi vợ

chồng sống ly thân cho đến nay, khi ly hôn chị A đề nghị được tiếp tục nuôi hai con, mặt khác hai con có nguyện vọng được ở với chị A, anh T không có ý kiến. Do vậy, cần giao hai con chung cho chị A trực tiếp nuôi là phù hợp với các điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị A đề nghị để chị và anh T tự thỏa thuận giao nhận với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5]. Về tài sản chung: Chị A trình bày chị và anh T có tài sản chung, để tự giải quyết với nhau nếu không được sẽ đề nghị Tòa án giải quyết sau. Anh T chưa có ý kiến nên Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này.

[6]. Về án phí: Chị A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về hôn nhân: Chị Trần Lệ A được ly hôn anh Đặng Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Lệ A trực tiếp nuôi hai con tên là Đặng Phương T sinh ngày 06/6/2003 và Đặng Tiến T sinh ngày 03/6/2006 cho đến khi con đủ mười tám tuổi và có khả năng lao động, trừ trường hợp có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Lệ A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008509 ngày 21/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố H. Chị Trần Lệ A đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

5. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND TP.Hải Phòng;
- VKSND H.Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H.Thủy Nguyên;
- UBND xã Lưu Kiếm, TN, HP
(cơ quan đã thực hiện việc đkkh);
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhã